

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 10 năm 2025

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1/2025 - 2026
Khoa: KINH TẾ

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2023 TRUNG CẤP (T4)							
1	Điều hành vận tải (LGT)	0714002350	Tự luận	90'		X	
2	Kế toán doanh nghiệp (QTD)	0714001723	Trắc nghiệm	60'		X	
3	Nghiệp vụ hải quan (LGT)	0714002356	Tiểu luận				
4	Quản trị tác nghiệp (QTD)	0714001729	Tự luận	90'		X	
5	Thanh toán điện tử (TMĐ)	0714002876	Trắc nghiệm	60'		X	
6	Thương mại điện tử (KTD, QTD)	0714002083	Trắc nghiệm	60'		X	
2024 TRUNG CẤP (T3)							
1	Dịch vụ giao nhận vận tải quốc tế (LGTQ12)	0715003724	Trắc nghiệm	60'		X	
2	Hành vi tổ chức (TMĐQ12)	0715001720	Tự luận	90'		X	
3	Quản trị văn phòng (TMĐQ12)	0715000447	Tự luận	90'	X		
4	Quản trị kho hàng (LGTQ12)	0715003251	Tự luận	90'	X		
2024 TRUNG CẤP (T4)							
1	Hệ sinh thái thương mại điện tử (TMĐ)	0714003752	Trắc nghiệm	60'		X	
2	Kế toán tài chính 2 (KTD)	0714003397	Trắc nghiệm	60'		X	
3	Kế toán trên phần mềm Misa (KTD)	0714002486	Tự luận	90'		X	
4	Khai báo hải quan (LGT)	0714003730	Tự luận	90'	X		
5	Kỹ năng quản lý và bán hàng đa kênh (TMĐ)	0714003751	Tiểu luận				
6	Quản trị chuỗi cung ứng (LGT)	0714002455	Trắc nghiệm	60'		X	
7	Quản trị kho hàng (LGT)	0714003251	Tự luận	90'		X	
8	Quản trị Marketing (QTD)	0714002451	Tự luận	90'		X	
9	Thanh toán điện tử (TMĐ)	0714002876	Trắc nghiệm	60'		X	
10	Văn hóa doanh nghiệp (QTD)	0714002241	Trắc nghiệm	60'		X	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2025 TRUNG CẤP (T4)							
1	Chứng từ kế toán (KTD)	0714004168	Thực hành				
2	Kinh tế vi mô (QTD, KTD, LGT)	0714002450	Trắc nghiệm	60'		X	
3	Logistics cơ bản (LGT)	0714003659	Tự luận	90'		X	
4	Marketing căn bản (QTD)	0714001100	Trắc nghiệm	60'		X	
5	Nguyên lý kế toán (QTD, KTD, LGT)	0714003655	Trắc nghiệm	60'		X	
6	Quản trị học (QTD, LGT)	0714003656	Trắc nghiệm	60'		X	
7	Tâm lý kinh doanh (KTD)	0714002286	Trắc nghiệm	60'		X	
2023 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Bao bì - Đóng gói hàng hóa (LGT)	0211002351	Trắc nghiệm	60'		X	
2	Báo cáo thuế (KTD)	0211003305	Trắc nghiệm	60'		X	
3	Chiến lược và chính sách kinh doanh (QTD)	0211002226	Trắc nghiệm	60'		X	
4	Dịch vụ khách hàng (LGT)	0211002042	Trắc nghiệm	60'		X	
5	Dịch vụ kho hàng và trung tâm phân phối (LGT)	0211002353	Tự luận	90'		X	
6	Kế toán hành chính sự nghiệp (KTD)	0211002338	Tự luận	90'		X	
7	Kế toán quản trị (KTD)	0211002340	Trắc nghiệm	60'		X	
8	Kế toán tài chính 3 (KTD)	0211003304	Trắc nghiệm	60'		X	
9	Khởi nghiệp kinh doanh thương mại điện tử (TMĐ)	0211003450	Tự luận	90'	X		
10	Kinh doanh quốc tế (QTD)	0211002457	Trắc nghiệm	60'		X	
11	Mạng và truyền thông (TMĐ)	0211003120	Trắc nghiệm	60'		X	
12	Phân tích hoạt động kinh doanh (KTD)	0211002051	Tự luận	90'		X	
13	Pháp luật thương mại điện tử (TMĐ)	0211003121	Tự luận	90'	X		
14	Quản trị chất lượng (QTD)	0211002458	Tự luận	90'	X		
15	Quản trị chuỗi cung ứng (QTD)	0211002455	Tự luận	90'		X	
16	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu (LGT)	0211002349	Trắc nghiệm	60'		X	
17	Quản trị chuỗi cung ứng trong thương mại điện tử (TMĐ)	0211003336	Trắc nghiệm	60'		X	
18	Quản trị Logistics (LGT)	0211002463	Trắc nghiệm	60'		X	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
19	Quản trị tác nghiệp (QTD)	0211002140	Tự luận	90'		X	
20	Quản trị tài nguyên nhân sự (QTD)	0211002452	Trắc nghiệm	60'		X	
21	Quản trị xuất nhập khẩu (QTD)	0211002047	Tự luận	90'		X	
22	Tài chính doanh nghiệp 1 (KTD)	0211002211	Tự luận	90'		X	
23	Thị trường chứng khoán (KTD)	0211002343	Tự luận	90'		X	
24	Thương mại di động (TMĐ)	0211003123	Tự luận	90'		X	
2024 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Bảo hiểm vận tải (LGT)	0211004010	Tự luận	90'		X	
2	Chứng từ, sổ sách kế toán (KTD)	0211003996	Tự luận	90'		X	
3	Dịch vụ giao nhận vận tải quốc tế (LGT)	0211003724	Tự luận	90'		X	
4	Hành vi tổ chức (QTD)	0211001315	Trắc nghiệm	60'		X	
5	Hành vi tổ chức (TMĐ)	0211002174	Trắc nghiệm	60'		X	
6	Hệ sinh thái thương mại điện tử (TMĐ)	0211003752	Trắc nghiệm	60'		X	
7	Kế toán doanh nghiệp (QTD)	0211001536	Trắc nghiệm	60'		X	
8	Kế toán hành chính sự nghiệp (KTD)	0211002338	Tự luận	90'		X	
9	Kế toán tài chính 2 (KTD)	0211003397	Trắc nghiệm	60'		X	
10	Kế toán trên Excel (KTD)	0211002146	Thi trên máy tính	90'		X	
11	Kỹ năng phát triển cá nhân (KTD)	0211003688	Trắc nghiệm	60'		X	
12	Mạng và truyền thông (TMĐ)	0211004014	Trắc nghiệm	60'		X	
13	Marketing điện tử (TMĐ)	0211000550	Trắc nghiệm	60'		X	
14	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu (LGT)	0211004008	Trắc nghiệm	60'		X	
15	Nguyên lý kế toán (LGT)	0211003655	Trắc nghiệm	60'		X	
16	Quản trị bán hàng (QTD)	0211004005	Trắc nghiệm	60'		X	
17	Quản trị bán hàng và phân phối sản phẩm (TMĐ)	0211002835	Trắc nghiệm	60'		X	
18	Quản trị chất lượng (QTD)	0211002458	Tự luận	90'		X	
19	Quản trị chuỗi cung ứng (LGT)	0211001545	Trắc nghiệm	60'		X	
20	Quản trị chuỗi cung ứng (QTD)	0211002455	Tự luận	90'		X	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
21	Quản trị dự án đầu tư (QTD)	0211C02234	Tự luận	90'		X	
22	Quản trị kho hàng (LGT)	0211C02235	Tự luận	90'		X	
23	Quản trị marketing (QTD)	0211C01538	Tự luận	90'		X	
24	Quản trị rủi ro thương mại điện tử (TMĐ)	0211003126	Trắc nghiệm	60'		X	
25	Quản trị tác nghiệp TMĐT B2B và B2C (TMĐ)	0211004206	Trắc nghiệm	60'		X	
26	Quản trị văn phòng (TMĐ)	0211003660	Trắc nghiệm	60'		X	
27	Tài chính doanh nghiệp 1 (KTD)	0211002211	Tự luận	90'		X	
28	Thanh toán điện tử (TMĐ)	0211004013	Trắc nghiệm	60'		X	
29	Vận tải đa phương thức (LGT)	0211004009	Trắc nghiệm	60'		X	
2024 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (C2)							
1	Báo cáo thuế (KTD)	0204002016	Trắc nghiệm	60'		X	
2	Chiến lược kinh doanh trong thương mại điện tử (TMĐ)	0204004090	Trắc nghiệm	60'		X	
3	Chứng từ, sổ sách kế toán (KTD)	0204003996	Thực hành				
4	Giao dịch thương mại điện tử (TMĐ)	0204004089	Trắc nghiệm	60'		X	
5	Kế toán tài chính 3 (KTD)	0204003997	Trắc nghiệm	60'		X	
6	Khai báo hải quan điện tử (TMĐ)	0204002325	Tự luận	90'		X	
7	Kinh tế vi mô (LGT)	0204002450	Trắc nghiệm	60'		X	
8	Kinh tế vĩ mô (TCD)	0204003395	Trắc nghiệm	60'		X	
9	Lập kế hoạch kinh doanh (QTD)	0204004087	Trắc nghiệm	60'		X	
10	Mạng và truyền thông (TMĐ)	0204004083	Trắc nghiệm	60'		X	
11	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu (LGT)	0204004003	Trắc nghiệm	60'		X	
12	Nguyên lý kế toán (LGT)	0204002215	Tự luận	90'		X	
13	Quản trị chất lượng (QTD)	0204002453	Tự luận	90'	X		
14	Quản trị Logistics (LGT)	0204002463	Trắc nghiệm	60'		X	
15	Quản trị tài chính doanh nghiệp (QTD)	0204001544	Trắc nghiệm	60'		X	
16	Quản trị xuất nhập khẩu (QTD)	0204002047	Tự luận	90'		X	
17	Tài chính công (TCD)	0204002341	Trắc nghiệm	60'		X	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
18	Thị trường chứng khoán (KTD)	0204002343	Tự luận	90'	X		
19	Thị trường tài chính (TCD)	0204000463	Tự luận	90'	X		
20	Thuế (TCD)	0204000460	Tự luận	90'		X	

Q. HIỆU TRƯỞNG



[Handwritten signature in blue ink]

Đinh Văn Đệ



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 10 năm 2025

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1/2025 - 2026
Khoa: NGOẠI NGỮ

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2023 TRUNG CẤP (T4)							
1	Tiếng Anh 1 (Các ngành)	0714002071	Trắc nghiệm	60'		X	
2	Tiếng Anh 2 (Các ngành)	0714002201	Trắc nghiệm	60'		X	
3	Tiếng Anh Kinh doanh (NNA)	0714001704	Trắc nghiệm	60'		X	
4	Tiếng Hoa (NNA)	0714002372	Trắc nghiệm	60'		X	
5	Tiếng Hoa (NNA)	0714002373	Trắc nghiệm	60'		X	
2024 TRUNG CẤP (T3)							
1	Độc 2 (NNAQ11)	0715003852	Trắc nghiệm	60'		X	
2	Độc hiểu 1 (NHQQ12)	0715003736	Trắc nghiệm	60'		X	
3	Tiếng Anh Du lịch và Khách sạn (NNAQ11)	0715003853	Trắc nghiệm	60'		X	
4	Viết 1 (NHQQ12)	0715003737	Tự luận	60'		X	
5	Viết 2 (NNAQ11)	0715004033	Tự luận	60'		X	
2024 TRUNG CẤP (T4)							
1	Độc 2 (NTN)	0714004141	Tự luận	60'		X	
2	Độc hiểu 2 (NHQ)	0714003741	Trắc nghiệm	60'		X	
3	Kỹ năng làm bài JLPT (NTN)	0714004142	Trắc nghiệm	60'		X	
4	Tiếng Anh Thương mại (NNA)	0714004149	Trắc nghiệm	60'		X	
5	Tiếng Anh Thuyết trình (NNA)	0714004038	Vấn đáp	120'		X	
6	Tiếng Hàn hành chính - văn phòng (NHQ)	0714003043	Tự luận	60'		X	
7	Tiếng Nhật nhà hàng - khách sạn (NTN)	0714004144	Trắc nghiệm	60'		X	
8	Tiếng Nhật văn phòng (NTN)	0714003059	Vấn đáp	120'		X	
9	Viết 2 (NHQ)	0714003742	Tự luận	60'		X	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
10	Viết 2 (NNA)	0714004033	Tự luận	60'		X	
2025 TRUNG CẤP (T3)							
1	Âm vị và ngữ âm (NHQQ12)	0715003708	Tự luận	90'		X	
2	Ngữ pháp 1 (NHQQ12)	0715003709	Tự luận	90'		X	
2025 TRUNG CẤP (T4)							
1	Kỹ năng thuyết trình (NTN)	0714003258	Vấn đáp	120'		X	
2	Ngữ pháp Tiếng Anh 1 (NNA)	0714003701	Trắc nghiệm	60'		X	
3	Nhập môn tiếng Nhật (NTN)	0714003654	Tự luận	60'		X	
4	Phát âm (NNA)	0714003700	Vấn đáp	120'		X	
5	Tiếng Việt Thực hành (NTN)	0714003699	Tự luận	90'		X	
2023 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Lịch sử Hàn Quốc (NHQ)	0211003503	Trắc nghiệm	60'		X	
2	Lịch sử Nhật Bản (NTN)	0211003516	Tự luận	60'		X	
3	Tiếng Anh Logistics (NNA)	0211002611	Trắc nghiệm	60'		X	
4	Tiếng Anh Marketing (NNA)	0211002577	Trắc nghiệm	60'		X	
5	Tiếng Anh Quản trị (NNA)	0211002610	Trắc nghiệm	60'		X	
6	Tiếng Hàn hành chính – Văn phòng (NHQ)	0211003510	Tự luận	60'		X	
7	Tiếng Hàn tài chính – Ngân hàng (NHQ)	0211003509	Tự luận	60'		X	
8	Tiếng Hoa (NNA)	0211002474	Trắc nghiệm	60'		X	
9	Tiếng Nhật tài chính – ngân hàng (NTN)	0211003296	Tự luận	60'		X	
10	Tiếng Nhật văn phòng (NTN)	0211003059	Trắc nghiệm	60'		X	
11	Văn hóa Hàn Quốc (NHQ)	0211003502	Trắc nghiệm	60'		X	
12	Văn hóa Nhật Bản (NTN)	0211003515	Trắc nghiệm	60'		X	
2024 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Biên dịch Anh - Việt (NNA)	0211004034	Tự luận	60'	X		
2	Biên phiên dịch 2 (NHQ)	0211004053	Tự luận	60'		X	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
3	Đọc 2 (NNA)	0211003852	Trắc nghiệm	60'		X	
4	Đọc 2 (NHQ)	0211004051	Tự luận	60'		X	
5	Giao tiếp Kinh doanh liên văn hóa (NNA)	0211004036	Thực hành	120'		X	
6	Lịch sử Hàn Quốc (NHQ)	0211004052	Trắc nghiệm	60'		X	
7	Nghe 2 (NHQ)	0211003734	Tự luận	60'		X	
8	Nghe 2 (NNA)	0211003850	Trắc nghiệm	60'		X	
9	Ngữ pháp 2 (NHQ)	0211004050	Tự luận	60'		X	
10	Nói 2 (NHQ)	0211003735	Vấn đáp	120'		X	
11	Nói 2 (NNA)	0211003851	Vấn đáp	120'		X	
12	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh (NNA)	0211004035	Thực hành	120'		X	
13	Tiếng Anh Marketing (NNA)	0211004037	Trắc nghiệm	60'		X	
14	Tiếng Anh Thuyết trình (NNA)	0211004038	Vấn đáp	120'		X	
15	Tiếng Hàn du lịch (NHQ)	0211003045	Tự luận	60'		X	
16	Viết 2 (NHQ)	0211003742	Tự luận	60'		X	
17	Viết 2 (NNA)	0211004033	Tự luận	60'		X	

2024 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (C2)

1	Biên – phiên dịch 3 (NHQ)	0204004061	Tự luận	60'		X	
2	Biên dịch tiếng Nhật (NTN)	0204004109	Tự luận	60'		X	
3	Đọc 3 (NHQ)	0204004105	Tự luận	60'		X	
4	Nói 3 (NHQ)	0204004103	Vấn đáp	120'		X	
5	Giao tiếp kinh doanh liên văn hóa (NNA)	0204003614	Thực hành	120'		X	
6	Phiên dịch Anh – Việt (NNA)	0204004049	Tự luận	60'		X	
7	Phiên dịch tiếng Nhật (NTN)	0204004110	Tự luận	60'		X	
8	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh (NNA)	0204004101	Thực hành	120'		X	
9	Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật (NTN)	0204004111	Thực hành	120'		X	
10	Tiếng Anh Marketing (NNA)	0204004037	Trắc nghiệm	60'		X	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
11	Tiếng Anh thương mại nâng cao (NNA)	0204004102	Trắc nghiệm	60'		X	
12	Tiếng Hàn du lịch (NHQ)	0204003045	Tự luận	60'		X	
13	Tiếng Nhật soạn thảo Email (NTN)	0204004113	Tự luận	60'		X	
14	Viết 3 (NHQ)	0204004106	Tự luận	60'		X	

Q. HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 10 năm 2025

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1/2025 - 2026
Khoa: DU LỊCH - KHÁCH SẠN

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2023 TRUNG CẤP (T4)							
1	Nghệp vụ đặt bàn ăn trong nhà hàng (QNH)	0714002739	Thực hành	90'			
2	Nghệp vụ nhà hàng trong quản trị khách sạn (QKS)	0714002980	Thực hành	90'			
3	Nghệp vụ tổ chức hội họp, hội nghị, hội thảo (QDL)	0714002562	Thực hành	90'			
4	Quản lý chất lượng dịch vụ (QDL)	0714002770	Tự luận	90'	X		
5	Quản trị lễ tân (QKS)	0714002748	Tự luận	90'	X		
5	Quản trị tiệc trong nhà hàng (QNH)	0714002654	Thực hành	90'			
7	Tâm lý kinh doanh nhà hàng (KLB)	0714002552	Trắc nghiệm	60'		X	
2024 TRUNG CẤP (T4)							
1	Giao tiếp trong du lịch (KLB)	0714003689	Trắc nghiệm	60'		X	
2	Kỹ thuật trang trí, cắm hoa (QNH)	0714004138	Thực hành	180'			
3	Nghệp vụ chế biến bánh Âu (KLB)	0714003988	Thực hành	180'			
4	Nghệp vụ hướng dẫn du lịch và dẫn chương trình (QDL, QLH)	0714004137	Thực hành	90'			
5	Nghệp vụ pha chế (QNH)	0714004139	Thực hành	120'			
6	Nghệp vụ thanh toán trong KS (QKS)	0714002865	Tự luận	90'		X	
7	Quản trị buồng (QKS)	0714004136	Tự luận	90'		X	
8	Quản trị lễ tân (QKS)	0714003359	Tự luận	90'	X		
9	Tổ chức hoạt náo (QDL, QLH)	0714003310	Thực hành	120'			
2025 TRUNG CẤP (T4)							
1	Địa lý và tài nguyên du lịch Việt Nam (QDL)	0714003661	Tự luận	90'		X	
2	Giao tiếp trong du lịch (QDL)	0714003689	Trắc nghiệm	60'		X	
3	Marketing du lịch (QKS)	0714002393	Trắc nghiệm	60'		X	
4	Nghệp vụ nhà hàng (QNH)	0714002746	Thực hành	90'			

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
5	Nghiệp vụ thanh toán (QKS)	0714003835	Tự luận	90'		X	
6	Tâm lý khách hàng (QNH)	0714003662	Tự luận	90'		X	
7	Tổng quan bếp bánh (KLB)	0714004159	Tự luận	90'		X	
8	Tổng quan du lịch (QKS, QNH, QDL)	0714002277	Tự luận	90'		X	
9	Tổng quan du lịch (KLB)	0714004158	Tự luận	90'		X	
10	Ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch (QKS)	0714003356	Tiểu luận				
11	Văn hóa ẩm thực (QKS, QDL, KLB)	0714002536	Trắc nghiệm	60'		X	
12	Văn hóa Việt Nam (QDL)	0714002282	Tự luận	90'	X		
13	Xây dựng thực đơn (QNH)	0714002566	Tiểu luận				
2023 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Điều hành hoạt động hàng ngày trong nhà hàng (QNH)	0211002653	Tiểu luận				
2	Giao tiếp trong du lịch (QNH)	0211002529	Trắc nghiệm	60'		X	
3	Lập kế hoạch kinh doanh (KLB)	0211002553	Tiểu luận				
4	Marketing dịch vụ lưu trú (QKS)	0211002644	Tiểu luận				
5	Nghiệp vụ đặt bàn ăn trong nhà hàng (QNH)	0211003119	Thực hành	120'			
6	Nghiệp vụ thanh toán trong khách sạn (QKS)	0211002561	Tự luận	90'	X		
7	Nghiệp vụ tổ chức hội họp, hội nghị, hội thảo (QKS)	0211002562	Thực hành	120'			
8	Quản lý chất lượng (KLB)	0211002597	Tự luận	90'	X		
9	Quản trị buồng khách sạn (QKS)	0211002637	Tiểu luận				
10	Quản trị khu du lịch (QNH)	0211002649	Tiểu luận				
11	Thương phẩm và an toàn thực phẩm (KLB)	0211002394	Tiểu luận				
12	Ứng dụng công nghệ thông tin trong khách sạn (QKS)	0211002563	Tiểu luận				
13	Văn hóa ẩm thực (KLB)	0211002395	Trắc nghiệm	60'		X	
14	Xây dựng thực đơn (QNH)	0211002566	Tiểu luận				
2024 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Marketing du lịch (KLB, QKS)	0211002393	Trắc nghiệm	60'		X	
2	Nghiệp vụ lễ tân trong khách sạn (QKS)	0211002641	Thực hành	90'			

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
3	Nghệp vụ buồng (QKS)	0211002642	Thực hành	90'			
4	Nghệp vụ chế biến bánh Á (KLB)	0211003986	Thực hành	120'			
5	Nghệp vụ chế biến bánh mì (KLB)	0211003833	Thực hành	180'			
6	Nghệp vụ chế biến bánh tráng miệng (KLB)	0211003696	Thực hành	120'			
7	Nghệp vụ chế biến món ăn (KLB, QKS)	0211002738	Thực hành	120'			
8	Nghệp vụ thanh toán (QKS)	0211003992	Tự luận	90'		X	
9	Nghệp vụ tổ chức hội họp, hội nghị, hội thảo (QKS)	0211003692	Thực hành	180'			
10	Quản trị chất lượng dịch vụ (KLB, QKS)	0211003644	Tự luận	90'	X		
11	Tâm lý khách hàng (KLB)	0211003662	Trắc nghiệm	60'		X	
2024 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (C2)							
1	Marketing du lịch (KLB, QKS)	0204002393	Tiểu luận				
2	Nghệp vụ buồng nâng cao (QKS)	0204004096	Thực hành	90'			
3	Nghệp vụ chế biến bánh Á nâng cao (KLB)	0204004094	Thực hành	90'			
4	Nghệp vụ chế biến bánh kem (KLB)	0204003989	Thực hành	120'			
5	Nghệp vụ chế biến bánh Việt Nam nâng cao (KLB)	0204004093	Thực hành	120'			
6	Nghệp vụ lễ tân trong khách sạn nâng cao (QKS)	0204004095	Thực hành				
7	Nghệp vụ tổ chức hội họp, hội nghị, hội thảo nâng cao (QDL)	0204003907	Thực hành	180'			
8	Quản trị chất lượng dịch vụ (QDL)	0204003644	Tự luận	90'	X		
9	Quản trị cơ sở lưu trú (QKS)	0204003991	Tiểu luận				
10	Quản trị du lịch MICE nâng cao (QDL)	0204004099	Tiểu luận				
11	Ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch nâng cao (QDL)	0204004098	Tiểu luận				

Q. HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2025

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1/2025 - 2026
Khoa: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
		2023 TRUNG CẤP (T4)					
1	Lập trình cơ sở dữ liệu (LTM)	0714002881	Trắc nghiệm	60'		X	
2	Lập trình Java (THU)	0714002859	Thi trên máy tính	120'	X		
3	Lập trình Ứng dụng Web (TKW)	0714003471	Thi trên máy tính	120'	X		
4	Thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu (TKĐ)	0714002971	Tự luận	90'	X		
5	Thiết kế sự kiện (ĐHĐ)	0714002931	Tự luận	90'	X		
6	Tin học (CCK,CTM,CNÔ, KXD)	0714002070	Thi trên máy tính	90'		X	
7	Xử lý âm thanh (ĐHĐ)	0714002889	Tự luận	90'	X		
		2024 TRUNG CẤP (T3)					
1	Tin học (NNAQ11)	0715003675	Thi trên máy tính	90'		X	
		2024 TRUNG CẤP (T4)					
1	Lập trình PHP (LTM)	0714004117	Thi trên máy tính	120'	X		
2	Lập trình Ứng dụng Web (TKW)	0714003471	Thi trên máy tính	120'	X		
3	Phát triển ứng dụng Web (THU)	0714004121	Thi trên máy tính	120'	X		
4	Thiết kế quảng cáo (TKĐ, ĐHĐ)	0714002932	Tự luận	90'	X		
5	Thiết kế trang Web (ANM, CMT, QTM)	0714002990	Thi trên máy tính	120'	X		
		2025 TRUNG CẤP (T4)					
1	Kỹ thuật lập trình (LTM, CMT, QTM)	0714002901	Tự luận	90'		X	
2	Mỹ thuật cơ bản (TKĐ)	0714004165	Tự luận	120'	X		
3	Phần cứng và mạng máy tính (LTM)	0714002867	Trắc nghiệm online	60'		X	
4	Tin học (LTM, TKĐ, CMT, NTN, NNA, QTM)	0714003675	Thi trên máy tính	90'		X	
		2023 CAO ĐẲNG (C1)					
1	Công nghệ phần mềm (LTM)	0211003003	Tự luận	90'	X		

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2	Dựng video (ĐHĐ, TKĐ)	0211003108	Tiểu luận				
3	Kỹ thuật viết kịch bản và biên tập phim (ĐHĐ)	0211003351	Tiểu luận				
4	Lập trình Mobile (LTM)	0211003543	Trắc nghiệm	60'		X	
5	Lập trình PHP (LTM)	0211002942	Tiểu luận				
6	Phần cứng và mạng máy tính (LTM)	0211002867	Trắc nghiệm online	60'		X	
7	Quản trị mạng nâng cao trên Linux (QTM)	0211003011	Tiểu luận				
8	Sửa chữa máy tính (CMT)	0211002919	Tiểu luận				
9	Thiết kế quảng cáo (TKĐ)	0211002932	Tiểu luận				
10	Thiết kế sự kiện (ĐHĐ)	0211002931	Tiểu luận				
11	Xây dựng hạ tầng mạng (CMT)	0211002996	Tiểu luận				
12	Xử lý âm thanh (ĐHĐ)	0211002889	Tiểu luận				
2024 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Hệ thống mạng (CMT)	0211002922	Tiểu luận				
2	Kỹ thuật viết kịch bản và biên tập phim (ĐHĐ)	0211003351	Tiểu luận				
3	Lập trình cơ sở dữ liệu (LTM)	0211003092	Tiểu luận				
4	Lập trình game (LTM)	0211003004	Thi trên máy tính	120'	X		
5	Lập trình hướng đối tượng (LTM)	0211002999	Thi trên máy tính	120'	X		
6	Lập trình Java (LTM)	0211003089	Thi trên máy tính	120'	X		
7	Mạng máy tính và quản trị mạng (CMT)	0211002869	Trắc nghiệm online	60'		X	
8	Phân tích và thiết kế hệ thống (LTM)	0211002987	Tiểu luận				
9	Quản trị mạng trên Linux (QTM)	0211002950	Tiểu luận				
10	Sửa chữa máy tính (CMT)	0211002919	Tiểu luận				
11	Thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu (TKĐ)	0211003030	Tiểu luận				
12	Thiết kế quảng cáo (ĐHĐ)	0211002932	Tiểu luận				
13	Thiết kế sự kiện (ĐHĐ)	0211002931	Tiểu luận				
14	Thiết kế trang Web (CMT, QTM)	0211002990	Thi trên máy tính	120'	X		
15	Thiết kế Web (TKĐ)	0211003001	Thi trên máy tính	120'	X		

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
16	Thiết lập hệ thống mạng (QTM)	0211003008	Tiểu luận				
17	Tin học (ĐCN, ĐĐT, CĐT, CTM, CCK, CNÔ)	0211003667	Thi trên máy tính	90'		X	
18	Xử lý âm thanh (ĐHĐ)	0211002889	Tiểu luận				
2024 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (C2)							
1	Dựng video (ĐHĐ)	0204003108	Tiểu luận				
2	Dựng video (TKĐ)	0204003198	Tiểu luận				
3	Lập trình game (LTM)	0204003004	Thi trên máy tính	120'	X		
4	Lập trình giao diện Web (TKW)	0204004081	Tiểu luận				
5	Lập trình Mobile (LTM)	0204003543	Trắc nghiệm	60'		X	
6	Thiết kế giao diện Web với UI/UX (TKW)	0204003871	Trắc nghiệm	60'		X	
7	Thiết kế quảng cáo (THU)	0204002932	Tiểu luận				
8	Thiết kế trang Web (QTM, ANM, CMT)	0204002990	Tiểu luận				
9	Thiết kế UI/UX (THU)	0204003439	Trắc nghiệm	60'		X	
10	Thiết kế Web (TKĐ)	0204003001	Thi trên máy tính	90'	X		
11	Thiết lập hệ thống mạng (ANM)	0204002946	Tiểu luận				
12	Vẽ tạo hình game, hoạt hình 2D, 3D (ĐHĐ)	0204003551	Tiểu luận				
2024 CAO ĐẲNG CLC SONG HÀNH DOANH NGHIỆP (C8)							
1	Tin học (ĐCN)	0223003667	Thi trên máy tính	90'		X	

Q. HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1/2025 - 2026
Khoa: XÂY DỰNG - NHIỆT LẠNH

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2023 TRUNG CẤP (T4)							
1	Bơm - Quạt - Máy nén (KML,VSL)	0714001659	Trắc nghiệm	60'		X	
2	Điều hòa không khí ô tô (KML,VSL)	0714001877	Thực hành	60'			
2024 TRUNG CẤP (T4)							
1	Kiến trúc công trình (KXD)	0714002177	Tự luận	60'		X	
2	Bơm - Quạt - Máy nén (LĐL,VSL)	0714001659	Trắc nghiệm	60'		X	
3	Tự động hóa hệ thống lạnh (KML)	0714002504	Trắc nghiệm	60'		X	
4	Thông gió và xử lý khí thải (KML)	0714002417	Trắc nghiệm	60'		X	
5	Vận hành và bảo trì hệ thống lạnh (LĐL,VSL)	0714001430	Trắc nghiệm	60'		X	
2025 TRUNG CẤP (T4)							
1	Cơ sở kỹ thuật điện (KML, VSL)	0714001084	Trắc nghiệm	60'		X	
2	Nhiệt động kỹ thuật (KML, VSL)	0714001969	Tự luận	90'	X		
3	Truyền nhiệt (KML, VSL)	0714002074	Tự luận	90'	X		
2023 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Chuyên đề máy lạnh (KML, CNL)	0211001435	Trắc nghiệm	60'		X	
2	Kỹ thuật lạnh thực phẩm (KML)	0211000087	Trắc nghiệm	60'		X	
3	Kỹ thuật sấy (CNL)	0211000090	Tự luận	90'	X		
4	Lò hơi (CNL)	0211000898	Trắc nghiệm	60'		X	
5	Nhà máy nhiệt điện (CNL)	0211002415	Tự luận	90'	X		
6	Tiết kiệm năng lượng trong hệ thống lạnh (VSL)	0211002412	Trắc nghiệm	60'		X	
7	Thiết kế kho lạnh (VSL)	0211000857	Tự luận	90'	X		
8	Thông gió và xử lý khí thải (KML)	0211002417	Trắc nghiệm	60'		X	
9	Tự động hóa hệ thống lạnh (KML,VSL)	0211001440	Trắc nghiệm	60'		X	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
10	Vận hành và bảo trì hệ thống lạnh (VSL)	0211000893	Trắc nghiệm	60'		X	
11	Đấu thầu và tổ chức đấu thầu (KXD)	0211002109	Trắc nghiệm	60'		X	
12	Kết cấu bê tông - cốt thép 2 (KXD)	0211001841	Trắc nghiệm	60'		X	
13	Kiến trúc công trình (KXD)	0211002063	Tự luận	60'		X	
14	Kỹ thuật thi công (KXD)	0211002374	Trắc nghiệm	60'		X	
2024 CAO ĐẲNG (C1)							
1	CAD ứng dụng chuyên ngành (CNL, KML, VSL)	0211002218	Thi trên máy tính	90'	X		
2	Điều hòa không khí ô tô (CNL, KML, VSL)	0211003772	Trắc nghiệm	60'		X	
3	Kỹ thuật điều hòa không khí (CNL, KML, VSL)	0211000706	Trắc nghiệm	60'		X	
4	Kỹ thuật lạnh thực phẩm (KML, VSL)	0211000087	Trắc nghiệm	60'		X	
5	Kỹ thuật sấy (CNL)	0211000090	Tự luận	90'	X		
6	Máy và thiết bị lạnh (CNL, KML, VSL)	0211002135	Trắc nghiệm	60'		X	
7	Tự động hóa hệ thống lạnh (VSL)	0211001440	Trắc nghiệm	60'		X	
8	Thiết kế sơ bộ hệ thống điều hòa không khí (KML)	0211002296	Tiểu luận				
9	Tính toán thiết bị trao đổi nhiệt (CNL)	0211002411	Tự luận	90'	X		
10	Cơ học kết cấu (KXD)	0211003769	Tự luận	60'		X	
11	Đấu thầu và tổ chức đấu thầu (KXD)	0211002109	Trắc nghiệm	60'		X	
12	Kết cấu bê tông - cốt thép 1 (KXD)	0211002239	Trắc nghiệm	60'		X	
13	Kỹ thuật thi công (KXD)	0211002374	Trắc nghiệm	60'		X	
14	Tổ chức thi công (KXD)	0211001844	Tự luận	90'		X	
2024 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (C2)							
1	CAD ứng dụng chuyên ngành (KML, VSL)	0204002218	Thi trên máy tính	90'	X		
2	Kỹ thuật lạnh thực phẩm (VSL)	0204000087	Trắc nghiệm	60'		X	
3	Thiết kế kho lạnh (KML)	0204000857	Tự luận	90'	X		
4	Thiết kế kho lạnh (VSL)	0204002725	Tự luận	90'	X		
5	Thiết kế sơ bộ hệ thống điều hòa không khí (KML)	0204004058	Tiểu luận				
6	Đấu thầu và tổ chức đấu thầu (KXD)	0204002109	Trắc nghiệm	60'		X	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
7	Lập và quản lý khối lượng công trình xây dựng (KXD)	0204004066	Tiểu luận				
8	Kỹ thuật thi công đặc biệt (KXD)	0204004067	Trắc nghiệm	60'		X	
9	Tin học xây dựng (KXD)	0204004065	Thi trên máy tính	90'		X	

Q. HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 10 năm 2025

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1/2025 - 2026
Khoa: GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2024 TRUNG CẤP (T3)							
1	Giáo dục chính trị (NNAQ11)	0715003670	Trắc nghiệm	60'		X	
2	Giáo dục Quốc phòng và An ninh (LGTQ12, TMĐQ12)	0715003716	Tiểu luận				
2025 TRUNG CẤP (T4)							
1	Giáo dục Chính trị (LTM, TKĐ, CMT, QTM, MTT, CNÔ)	0714003670	Trắc nghiệm	60'		X	
2	Pháp luật (LTM, TKĐ, CMT, QTM, MTT, CNÔ)	0714001065	Trắc nghiệm	60'		X	
2023 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Pháp luật (CCK, CNÔ, LTM, CMT, TKĐ, ĐHĐ, QTM, MTT)	0211002396	Trắc nghiệm	60'		X	
2023 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	Pháp luật (CNÔ)	0201002396	Trắc nghiệm	60'		X	
2024 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Pháp luật (CNÔ, LTM, CMT, TKĐ, ĐCN, CĐT, ĐĐT, QTM, ĐHĐ, MTT)	0211002255	Trắc nghiệm	60'		X	
2024 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (C2)							
1	Pháp luật (Các ngành)	0204001572	Trắc nghiệm	60'		X	
2024 CAO ĐẲNG CLC SONG HÀNH DOANH NGHIỆP (C8)							
1	Pháp luật (ĐCN)	0223001402	Trắc nghiệm	60'		X	

Q. HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 10 năm 2025

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1/2025 - 2026**

Khoa: ĐIỆN - ĐIỆN TỬ

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2023 TRUNG CẤP (T4)							
1	Cung cấp điện (ĐCN)	0714001076	Tự luận	90'		X	
2	Hệ thống cơ điện tử (CĐT)	0714003459	Tự luận	90'		X	
3	Lập trình PLC (ĐĐT)	0714002287	Tự luận	90'		X	
2024 TRUNG CẤP (T4)							
1	Cung cấp điện (ĐĐT)	0714001676	Tự luận	90'		X	
2025 TRUNG CẤP (T4)							
1	An toàn điện (ĐĐT, ĐCN)	0714001667	Trắc nghiệm	60'		X	
2	An toàn lao động (CĐT)	0714002137	Trắc nghiệm	60'		X	
3	Khí cụ điện (ĐĐT, ĐCN)	0714001669	Tự luận	90'		X	
4	Mạch điện (ĐĐT, ĐCN, CĐT)	0714001070	Trắc nghiệm	60'		X	
2023 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Điện công nghiệp (ĐCN)	0211000036	Tự luận	90'		X	
2	Điện tử công suất (ĐCN)	0211000039	Trắc nghiệm	60'		X	
3	Điện tử tương tự (ĐĐT)	0211001291	Trắc nghiệm	60'		X	
4	Kỹ thuật điều khiển tự động (TĐH)	0211000378	Tự luận	90'		X	
5	Kỹ thuật lắp đặt điện (ĐĐT)	0211001419	Trắc nghiệm	60'		X	
6	Kỹ thuật Robot (CĐT)	0211000373	Tiểu luận				
7	Truyền động điện và ứng dụng (ĐCN)	0211000209	Tự luận	90'		X	
8	Tự động hóa quá trình công nghệ (ĐĐT)	0211000212	Tự luận	90'		X	
2024 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Cung cấp điện (ĐĐT)	0211000236	Tự luận	90'		X	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2	Điện công nghiệp (ĐCN)	0211001421	Tự luận	90'		X	
3	Điện tử công nghiệp (ĐĐT)	0211000904	Tự luận	90'		X	
4	Điện tử công suất (ĐCN)	0211000039	Trắc nghiệm	60'		X	
5	Điện tử tương tự (ĐĐT)	0211001291	Trắc nghiệm	60'		X	
6	Kỹ thuật chiếu sáng (ĐCN)	0211000081	Tự luận	90'		X	
7	Kỹ thuật lắp đặt điện (ĐCN)	0211001419	Trắc nghiệm	60'		X	
8	Lập trình PLC (ĐĐT, ĐCN)	0211001287	Tự luận	90'		X	
9	Lập trình PLC (CĐT)	0211003952	Tự luận	90'		X	
10	Vi xử lý (ĐĐT)	0211000222	Tự luận	90'		X	
11	Vi xử lý (CĐT)	0211003883	Tự luận	90'		X	

2024 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (C2)

1	Điện tử công nghiệp (CĐT)	0204000904	Tiểu luận				
2	Kỹ thuật bảo trì bảo dưỡng thiết bị điện (ĐCN)	0204004071	Tiểu luận				
3	Kỹ thuật Robot (TĐH)	0204000373	Tiểu luận				
4	Quản lý tòa nhà (ĐCN)	0204002265	Tiểu luận				
5	Truyền động điện và ứng dụng (CĐT, ĐCN)	0204000209	Tự luận	90'		X	

2024 CAO ĐẲNG CLC SONG HÀNH DOANH NGHIỆP (C8)

1	Điện công nghiệp (ĐCN)	0223001421	Tự luận	90'		X	
2	Điện tử công suất (ĐCN)	0223000039	Trắc nghiệm	60'		X	
3	Năng lượng tái tạo (ĐCN)	0223002256	Tiểu luận				

Q. HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 10 năm 2025

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1/2025 - 2026
Khoa: CƠ KHÍ

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2023 TRUNG CẤP (T4)							
1	Công nghệ chế tạo máy 2 (CTM)	0714003063	Trắc nghiệm	60'		X	
2	Lập trình CNC (CCK, CTM)	0714001639	Thi trên máy tính	120'		X	
3	Nguyên lý - Chi tiết máy (CNÔ)	0714001625	Tự luận	90'	X		
2024 TRUNG CẤP (T4)							
1	Lập trình CNC (CKL)	0714001639	Thi trên máy tính	120'		X	
2	Nguyên lý cắt kim loại (CCK)	0714002191	Trắc nghiệm	60'		X	
2025 TRUNG CẤP (T4)							
1	An toàn lao động (CCK)	0714001068	Trắc nghiệm	60'		X	
2	Vẽ kỹ thuật (CCK)	0714001002	Tự luận	120'		X	
3	Vẽ kỹ thuật (CĐT)	0714001078	Tự luận	60'		X	
2023 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Các phương pháp gia công cơ khí hiện đại (CCK)	0211002420	Tiểu luận				
2	Công nghệ chế tạo máy (CTM)	0211000861	Trắc nghiệm	60'		X	
3	Kỹ thuật thủy lực - Khí nén (CCK)	0211001283	Tự luận	90'		X	
4	Lập trình CNC (CTM)	0211001453	Thi trên máy tính	120'		X	
5	Máy cắt kim loại (CTM)	0211001234	Trắc nghiệm	60'		X	
6	Nguyên lý - Chi tiết máy (CNÔ)	0211001472	Tự luận	90'	X		
7	Thiết kế CAD cơ bản (CCK)	0211001955	Tiểu luận				
8	Trang bị điện trong máy cắt kim loại (CTM)	0211000780	Trắc nghiệm	60'		X	
2024 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Kỹ thuật thủy lực - Khí nén (CCK)	0211001283	Tự luận	90'		X	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2	Lập trình CNC (CCK)	0211001453	Thi trên máy tính	120'		X	
3	Lập trình CNC (CTM)	0211003767	Thi trên máy tính	120'		X	
4	Nguyên lý - Chi tiết máy (CCK, CTM)	0211003933	Tự luận	90'	X		
5	Nguyên lý cắt kim loại (CCK, CTM)	0211000273	Trắc nghiệm	60'		X	
6	Robot công nghiệp (CCK)	0211003204	Tự luận	90'	X		
7	Thiết kế CAD cơ bản (CĐT)	0211001955	Tiểu luận				
8	Vật liệu học (CCK)	0211001194	Trắc nghiệm	60'		X	
2024 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (C2)							
1	Trí tuệ nhân tạo trong gia công cơ khí (CCK, CTM)	0204004062	Tiểu luận				

Q. HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 10 năm 2025

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1/2025 - 2026
Khoa: ĐỘNG LỰC**

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2025 TRUNG CẤP (T4)							
1	Điện kỹ thuật (CNÔ)	0714001359	Trắc nghiệm	60'		X	
2	Điện tử cơ bản (CNÔ)	0714001620	Trắc nghiệm	60'		X	
2023 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Hệ thống phanh trên ô tô hiện đại (CNÔ)	0211001481	Tiểu luận				
2	Phần mềm chẩn đoán kỹ thuật ô tô (CNÔ)	0211002422	Thực hành				
3	Quản lý dịch vụ ô tô (CNÔ)	0211000135	Tiểu luận				
4	Thực hành Đồng - Sơn Ô tô (CNÔ)	0211003344	Thực hành				
2023 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	Hệ thống phanh trên ô tô hiện đại (CNÔ)	0201001481	Tiểu luận				
2	Quản lý dịch vụ ô tô (CNÔ)	0201000135	Tiểu luận				
2024 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Lý thuyết ô tô điện và hybrid (CNÔ)	0211003877	Tự luận	90'		X	
2024 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (C2)							
1	Điện ô tô 2 (CNÔ)	0204003968	Thực hành				
2	Lý thuyết ô tô (CNÔ)	0204004205	Trắc nghiệm	60'		X	
3	Quản lý dịch vụ ô tô (CNÔ)	0204000135	Tiểu luận				

Q. HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 10 năm 2025

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1/2025 - 2026
Khoa: MAY - THỜI TRANG

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2023 TRUNG CẤP (T4)							
1	Nguyên phụ liệu dệt may (CNM)	0714001710	Trắc nghiệm	60'		X	
2025 TRUNG CẤP (T4)							
1	An toàn lao động (MTT)	0714001056	Trắc nghiệm	60'		X	
2	Mỹ thuật trang phục (MTT)	0714001104	Trắc nghiệm	60'		X	
2023 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Quản lý đơn hàng (MTT)	0211000136	Tự luận	90'		X	
2	Tổ chức và quản lý chất lượng trang phục thời trang (MTT)	0211003522	Trắc nghiệm	60'		X	
2024 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Công nghệ CAD ngành may (MTT)	0211002331	Thi trên máy tính	90'		X	
2	Công nghệ sản xuất thời trang (MTT)	0211003946	Trắc nghiệm	60'		X	
3	Quản lý đơn hàng (MTT)	0211000136	Tự luận	90'		X	
4	Tổ chức và quản lý chất lượng trang phục thời trang (MTT)	0211003522	Trắc nghiệm	60'		X	
5	Thiết kế mẫu trên máy tính (MTT)	0211002126	Thi trên máy tính	90'		X	
6	Thiết kế tạo mẫu thời trang (MTT)	0211003520	Tự luận	90'		X	
2024 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (C2)							
1	Marketing hàng may mặc (CNM)	0204002385	Tự luận	90'		X	

Q. HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ